TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07/9/2023
V/v "Tranh chấp không công nhận vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Mỹ Hường và ông Huỳnh Văn Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Kiều Văn Liêu – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 262/2023/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 5 năm 2023 về việc "Tranh chấp không công nhận vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 388/2023/QĐXXST–HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đào Văn H, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số H, đường số A, Khu đô thị S, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. Điện thoại: 0913.965.719 (có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bạch P, sinh năm 1969

Địa chỉ: Số H, đường số A, Khu đô thị S, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. Điện thoại: 0855.909.717 (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Đào Văn H trình bày:

Ông H và bà P tự nguyện tìm hiểu, sau đó hai bên tổ chức đám cưới vào năm 1990, đến nay không đăng ký kết hôn. ÔngHùng yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà P.

Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Đào Quốc V, sinh năm 1991 và Đào Quốc V1, sinh năm 1997. Hai con đã trưởng thành và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Bạch P: Vắng mặt trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án, không có văn bản trình bày ý kiến.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của ông H là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông H và bà P; về con chung: có 02 con chung tên Đào Quốc V, sinh năm 1991 và Đào Quốc V1, sinh năm 1997 đã trưởng thành và có khả năng lao động, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa ông Đào Văn H và bà Nguyễn Thị Bạch P là tranh chấp không công nhận vợ chồng theo quy định tại khoản 8 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bà P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, ông H có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Ông H và bà P tự nguyện tìm hiểu và tổ chức đám cưới vào năm 1990, chung sống như vợ chồng tại thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang. Ông bà có hai con chung nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Căn cứ văn bản số 37/UBND-TPHT ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thị trấn T thể hiện nội dung không có thông tin đăng ký kết hôn của bà Nguyễn Thị Bạch P và ông Đào Văn H. Ông H và bà P không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, ông H có yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ

vợ chồng giữa ông và bà P phù hợp với quy định tại Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[2.2] Về quan hệ con chung và cấp dưỡng: Có 02 con chung tên Đào Quốc V, sinh năm 1991 và Đào Quốc V1, sinh năm 1997. Hai con đã trưởng thành và có khả năng lao động, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông H không yêu cầu giải quyết, nên không xét đến.

[3] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông H có nghĩa vụ nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 9; Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn Nhân và G;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân và gia đình:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đào Văn H. Tuyên bố không công nhận ông Đào Văn H và bà Nguyễn Thị Bạch P là vợ chồng.

[2] Về quan hệ con chung và cấp dưỡng: Có 02 con chung tên Đào Quốc V, sinh năm 1991 và Đào Quốc V1, sinh năm 1997. Hai con đã trưởng thành và có khả năng lao động, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Ông H có trách nhiệm nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001766 ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

[5] Về quyền kháng cáo:

Ông H, bà P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(*Đã giải thích điều 26 Luật thi hành án*)

Nơi nhận:
- Các đương sự "Để thi hành";
- VKSND – TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS TPLX;
- UBND đã đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Quốc Việt